

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- Bản án số: **195/2022/DS-ST**
- Ngày 26 tháng 9 năm 2022
- V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản
và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thu Hảo
2. Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về: “*Tranh chấp đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Đình Th**, sinh năm 1963 (Xin vắng mặt)

Chị **Võ Thị Lệ D**, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Ấp H Th, xã B Đ, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo uỷ quyền của chị D: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V Th, xã B Ngh, huyện G C Đ, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Trịnh Bá S**, sinh năm 1976

Chị **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp H Th, xã B Đ, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo uỷ quyền của anh S, chị Ch: Anh **Phạm Duy M**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 14 Nguyễn Huệ, khu phố 1, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp H Th, xã B Đ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo uỷ quyền của bà Sàng: Anh **Phạm Duy M**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 14 Nguyễn Huệ, khu phố 1, phường 2, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang;

NỘI D V U Á N :

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/8/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Đình Th và chị Võ Thị Lệ D trình bày:*

Vợ chồng anh chị có cho vợ chồng anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị Ch vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 23/10/2017, cho vay 50.000.000 đồng.

Ngày 24/3/2018, cho vay 150.000.000 đồng.

Ngày 27/12/2018, cho vay 300.000.000 đồng.

Các lần cho vay đều ghi giấy mượn nợ có anh S và chị Ch ký tên và ghi họ tên. Mỗi lần vay đều hẹn 02 năm sẽ trả nhưng do làm ăn thất bại nên anh S và chị Ch không có trả tiền vốn lẫn tiền lãi cho vợ chồng anh chị. Anh chị có đòi tiền nhiều lần nhưng anh S và chị Ch vẫn không trả. Do đó nay anh chị yêu cầu anh S và chị Ch trả tiền vốn và lãi như sau:

Khoản vay 50.000.000 đồng, cho vay ngày 23/10/2017, đến hạn trả là ngày 23/10/2019. Tính lãi từ ngày 23/10/2019 đến ngày 26/5/2022 là 02 năm 07 tháng 03 ngày, lãi suất 20%/năm. Tiền lãi là 25.884.000 đồng.

Khoản vay 150.000.000 đồng, cho vay ngày 24/3/2018, đến hạn trả là ngày 24/3/2020. Tính lãi từ ngày 24/3/2020 đến ngày 26/5/2022 là 02 năm 02 tháng 02 ngày, lãi suất 20%/năm. Tiền lãi là 65.166.000 đồng.

Khoản vay 300.000.000 đồng, cho vay ngày 27/12/2018, đến hạn trả là ngày 27/12/2020. Tính lãi từ ngày 27/12/2020 đến ngày 26/5/2022 là 01 năm 04 tháng 29 ngày, lãi suất 20%/năm. Tiền lãi là 84.834.000 đồng.

Anh Th, chị D yêu cầu anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ trả lại cho anh chị số tiền vay còn nợ là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ khi các khoản vay đến hạn trả nợ đến ngày xét xử, tiền lãi tạm tính đến ngày

26/5/2022 là 175.884.000 đồng. Tổng cộng là 675.884.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến ngày 17 tháng 8 năm 2022, anh Th, chị D khởi kiện bổ sung yêu cầu anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh chị số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vốn 300.000.000 đồng tính từ ngày vay 27/12/2018 đến ngày xét xử (lãi tạm tính đến ngày 27/8/2022) theo lãi suất 1,66%, 44 tháng là 219.120.000 đồng. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 23/10/2017 và khoản vay 150.000.000 đồng ngày 24/3/2018, không yêu cầu tính lãi. Thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị Ch trình bày:*

Anh S, chị Ch có vay tiền của chị D, anh Th, các lần vay như sau:

Ngày 23/10/2017, anh S, chị Ch có vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Ngày 24/3/2018, anh S, chị C có vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Hai khoản vay này thoả thuận thời gian vay là 01 năm sẽ trả lại tiền vốn cho anh Th, chị D. Trong quá trình vay, anh S, chị Ch trả lãi hàng tháng đầy đủ nhưng do lãi quá nhiều nên chị C có về nói với mẹ xin đất bán để trả nợ cho vợ chồng chị D, mẹ chị C là bà Phạm Thị S thương con nên đồng ý cho chị Ch đất bán trả nợ cho vợ chồng chị D.

Ngày 31/7/2018, bà S có chuyển nhượng 1.122,8m² đất lúa cho chị D với số tiền 200.000.000 đồng để trả khoản vay 200.000.000 đồng mà anh S, chị Ch thiếu vợ chồng chị D vì bán đất trả nợ nên chị D không làm biên nhận nhận tiền mua đất của bà Sàng.

Ngày 27/12/2018, anh S, chị C có vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Khoản vay này anh S, chị C vẫn trả lãi nhưng không nhớ trả bao nhiêu. Như vậy, anh S, chị C đã trả cho vợ chồng chị D số tiền 200.000.000 đồng, còn thiếu số tiền 300.000.000 đồng.

Với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị D thì anh S, chị C chỉ đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng.

** Đại diện uỷ quyền của bà Sàng trình bày: Anh S, chị Ch có vay tiền của chị D, anh T, các lần vay như sau:*

Ngày 23/10/2017, anh S, chị Ch có vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Ngày 24/3/2018, anh S, chị C có vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Hai khoản vay này thoả thuận thời gian vay là 01 năm sẽ trả lại tiền vốn cho anh T, chị D. Trong quá trình vay, anh S, chị C trả lãi hàng tháng đầy đủ nhưng do lãi quá nhiều nên chị C có về nói với bà Sàng xin đất bán để trả nợ cho vợ chồng chị D, bà Sàng thương con nên đồng ý cho chị C đất bán trả nợ cho vợ chồng chị D.

Ngày 31/7/2018, bà Sàng có chuyển nhượng 1.122,8m² đất lúa cho chị D với số tiền 200.000.000 đồng để trả khoản vay 200.000.000 đồng mà anh S, chị

C thiếu vợ chồng chị D vì bán đất trả nợ nên chị D không làm biên nhận nhận tiền mua đất của bà Sàng.

Ngày 27/12/2018, anh S, chị C có vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Khoản vay này anh S, chị C vẫn trả lãi nhưng không nhớ trả bao nhiêu. Như vậy, anh S, chị C đã trả cho vợ chồng chị D số tiền 200.000.000 đồng, còn thiếu số tiền 300.000.000 đồng.

Việc chị D, anh T kiện số tiền 200.000.000 đồng mà bà Sàng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất để cản trả nợ là không đúng. Bà Sàng sẽ khởi kiện chị D bằng một vụ án chuyển nhượng quyền sử dụng đất khác, trong vụ án này bà Sàng không khởi kiện.

*** Tại phiên Toà:**

Đại diện ủy quyền của chị Võ Thị Lệ D yêu cầu anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh T, chị D số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vốn 300.000.000 đồng tính từ ngày 27/01/2019 đến ngày xét xử, lãi suất 1,66%. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 23/10/2017 và khoản vay 150.000.000 đồng ngày 24/3/2018, không yêu cầu tính lãi. Thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

+ *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội D:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đình T, chị Võ Thị Lệ D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh Lê Đình T, chị Võ Thị Lệ D với anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị C, địa chỉ ấp Hoà Thân, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang là “*Tranh chấp đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội D vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình T, chị Võ Thị Lệ D. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về số tiền vay:

Đại diện uỷ quyền của anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị C thừa nhận ngày 23/10/2017, anh S, chị C có vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Ngày 24/3/2018, anh S, chị C có vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Hai khoản vay này thoả thuận thời gian vay là 01 năm sẽ trả lại tiền vốn cho anh T, chị D. Trong quá trình vay, anh S, chị C trả lãi hàng tháng đầy đủ nhưng do lãi quá nhiều nên chị C có về nói với bà Phạm Thị Sàng (mẹ ruột chị C) xin đất bán để trả nợ cho vợ chồng chị D.

Ngày 31/7/2018, bà Sàng có chuyển nhượng 1.122,8m² đất lúa cho chị D với số tiền 200.000.000 đồng để trả khoản vay 200.000.000 đồng mà anh S, chị C thiếu vợ chồng chị D.

Ngày 27/12/2018, anh S, chị C có vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Khoản vay này anh S, chị C vẫn trả lãi nhưng không nhớ trả bao nhiêu. Như vậy, anh S, chị C đã trả cho vợ chồng chị D số tiền 200.000.000 đồng, còn thiếu số tiền 300.000.000 đồng.

Đại diện uỷ quyền của bà Sàng trình bày: Ngày 31/7/2018, bà Sàng có chuyển nhượng 1.122,8m² đất lúa cho chị D với số tiền 200.000.000 đồng để trả khoản vay 200.000.000 đồng mà anh S, chị C thiếu vợ chồng chị D. Bà Sàng không có nhận tiền chuyển nhượng đất từ vợ chồng anh T, chị D.

Đại diện uỷ quyền của chị D trình bày: Chị D, anh T cho anh S, chị C vay tiền, đã giao đầy đủ số tiền 500.000.000 đồng như đại diện bị đơn trình bày, không liên quan đến việc chuyển nhượng đất, không có việc thoả thuận cản trừ nợ cho anh S, chị C như anh S, chị C, bà Sàng trình bày.

Lời trình bày của anh S, chị C, bà Sàng không được chị D thừa nhận, hơn nữa anh S, chị C, bà Sàng cũng không có căn cứ gì chứng minh có việc thoả thuận là bà Sàng sẽ chuyển nhượng diện tích 1.122,8m² đất lúa cho chị D để cản trừ số tiền vay 200.000.000 đồng của anh S, chị C.

Số tiền vay 300.000.000 đồng ngày 27/12/2018, đại diện theo uỷ quyền của anh S, chị C thừa nhận có vay, thoả thuận thời hạn 02 năm sẽ trả lại vốn nhưng đến nay chưa trả nên phải có nghĩa vụ trả cho anh T, chị D là có cơ sở.

+ Về số tiền lãi:

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 23/10/2017 và khoản vay 150.000.000 đồng ngày 24/3/2018. Đại diện uỷ quyền của anh S, chị C cho rằng hai khoản vay này, lãi suất đều 5%/tháng, có trả tiền lãi đầy đủ cho đến ngày 31/7/2018 khi bà Sàng chuyển nhượng đất cho anh T, chị D mới ngưng không trả tiền lãi nữa. Anh T, Chị D cho rằng không có nhận tiền lãi. Nay anh T, chị D chỉ yêu cầu trả lại tiền vốn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 27/12/2018, đại diện uỷ quyền của chị D cho rằng anh T, chị D cho anh S, chị C vay lãi suất 2%/ tháng nhưng từ khi anh S, chị C vay đến nay anh S, chị C chưa trả tiền lãi. Nay chị D, anh T

yêu cầu tính lãi từ 27/01/2019 đến ngày xét xử, lãi suất 1,66%/tháng là 45 tháng là $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 45 \text{ tháng} = 224.100.000 \text{ đồng}$.

Đại diện uỷ quyền của anh S, chị C cho rằng khoản vay 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, anh S, chị C có trả lãi được khoảng 6, 7 tháng cho đến nay không trả nữa.

Lời trình bày của đại diện uỷ quyền của anh S, chị C không được đại diện uỷ quyền của chị D thừa nhận và anh S, chị C cũng không có căn cứ gì chứng minh.

Xét thấy, giấy mượn nợ ngày 27/12/2018 (Âl) giữa anh T, chị D và anh S, chị C là thoả thuận vay có lãi. Đại diện uỷ quyền của anh S, chị C cho rằng trả lãi 5%/tháng không chứng minh được nên theo yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng của anh T, chị D là có căn cứ.

+ *Xét về thời gian trả nợ:*

Anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị C đã vi phạm thời gian trả nợ nên cần buộc anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị C trả cho anh Lê Đình T, chị Võ Thị Lệ D số tiền vốn 500.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vốn 300.000.000 đồng từ ngày 27/01/2019 đến ngày xét xử là 45 tháng là 224.100.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của anh Lê Đình T và chị Võ Thị Lệ D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3] *Về án phí:*

Anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật nhưng anh S, chị C có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bình Đông nên được giảm $\frac{1}{2}$ án phí.

Yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình T và chị Võ Thị Lệ D được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] *Về chi phí tố tụng:*

Chị Võ Thị Lệ D tự nguyện chịu chi phí trưng cầu giám định nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự

- Căn cứ khoản 3, khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình T và chị Võ Thị Lệ D.

Buộc anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho anh Lê Đình T và chị Võ Thị Lệ D số tiền vay vốn còn nợ là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 224.100.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng*).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị C phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.482.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng*)

- Hoàn lại anh Lê Đình T và chị Võ Thị Lệ D số tiền tạm ứng án đã nộp là 15.517.680 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm mười bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng*) theo biên lai số 0006816 ngày 27/5/2022 và số tiền 5.478.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai số 0006915 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU

